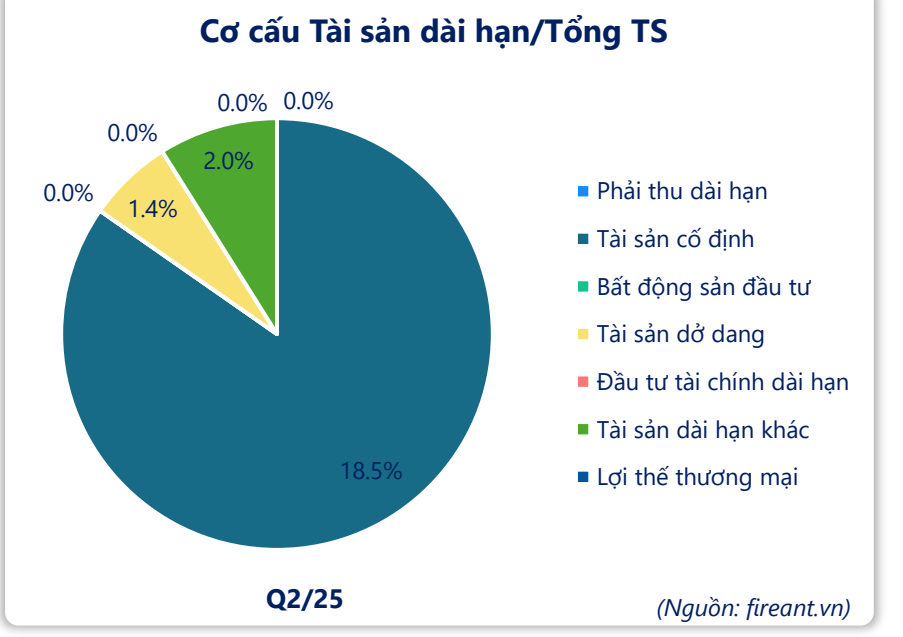
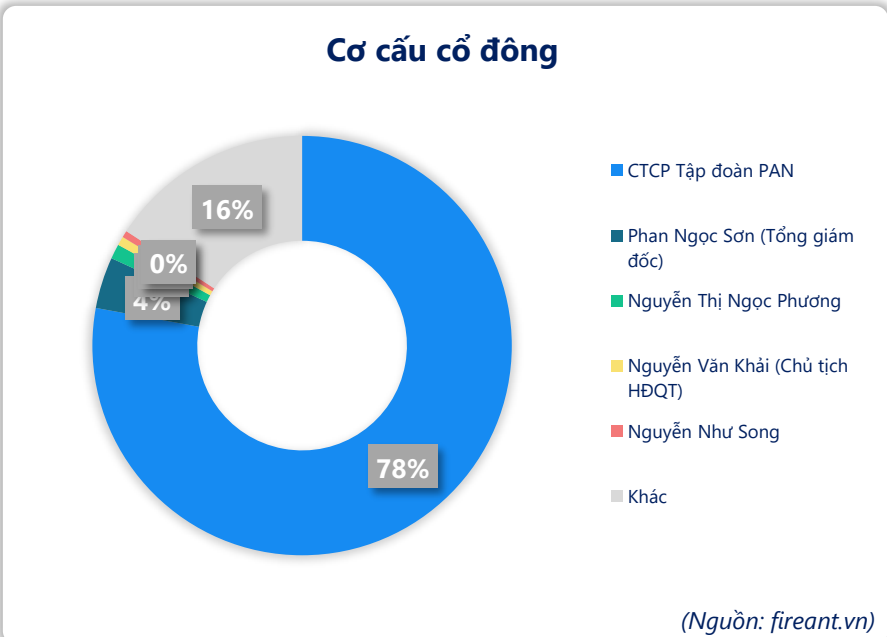
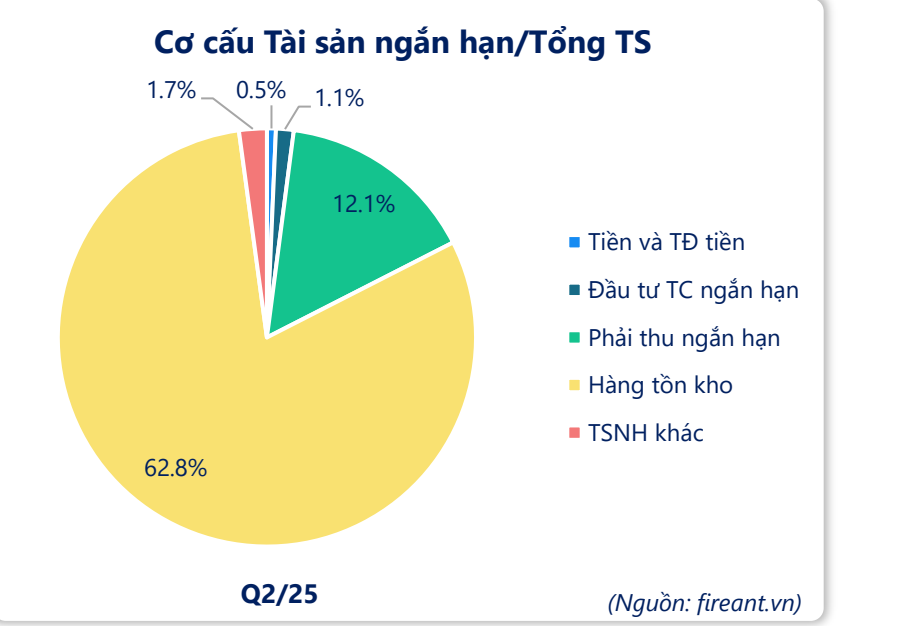
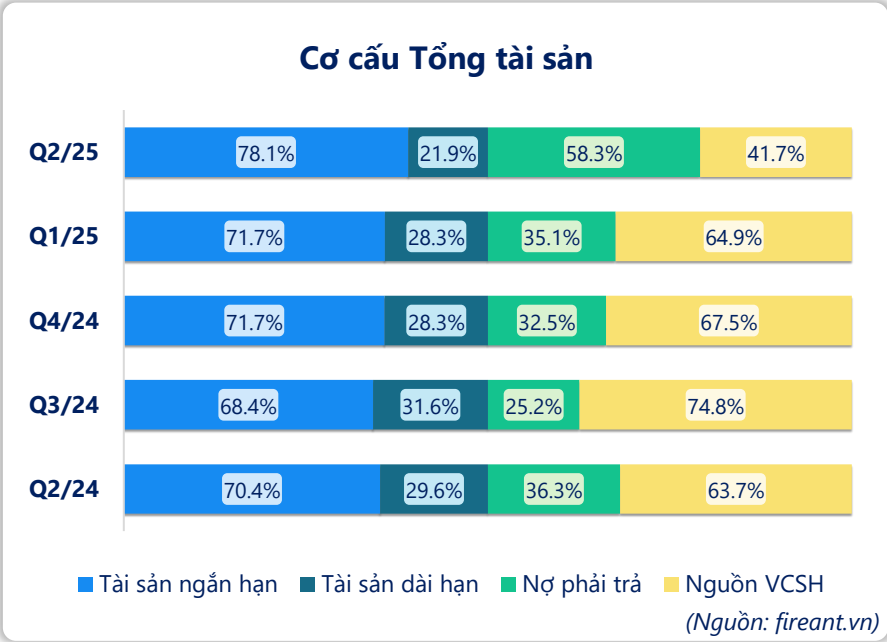
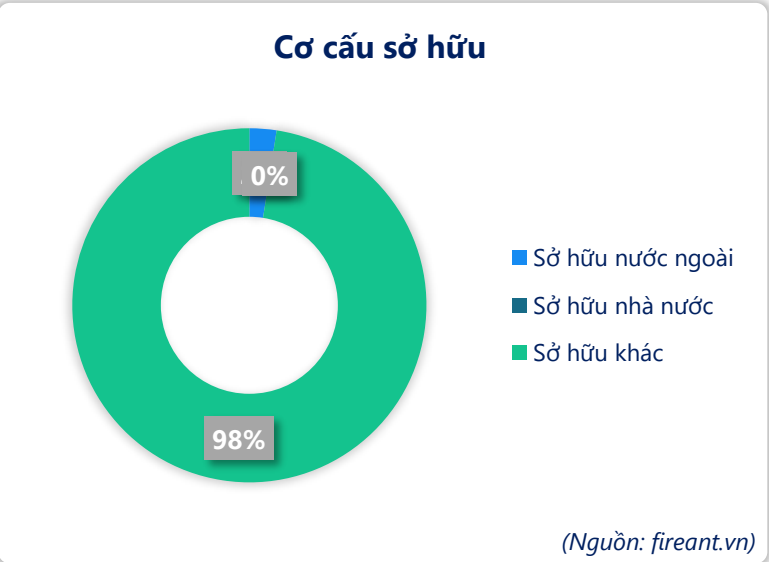
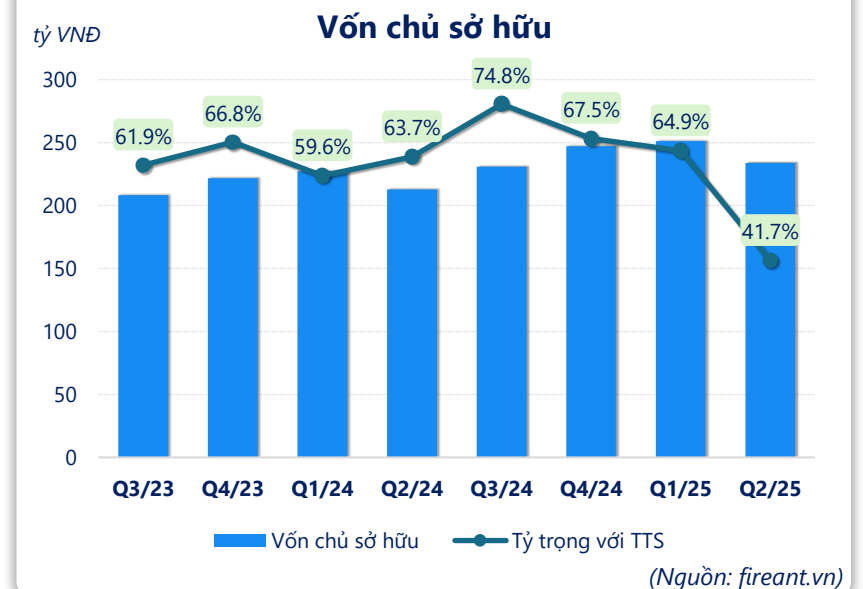
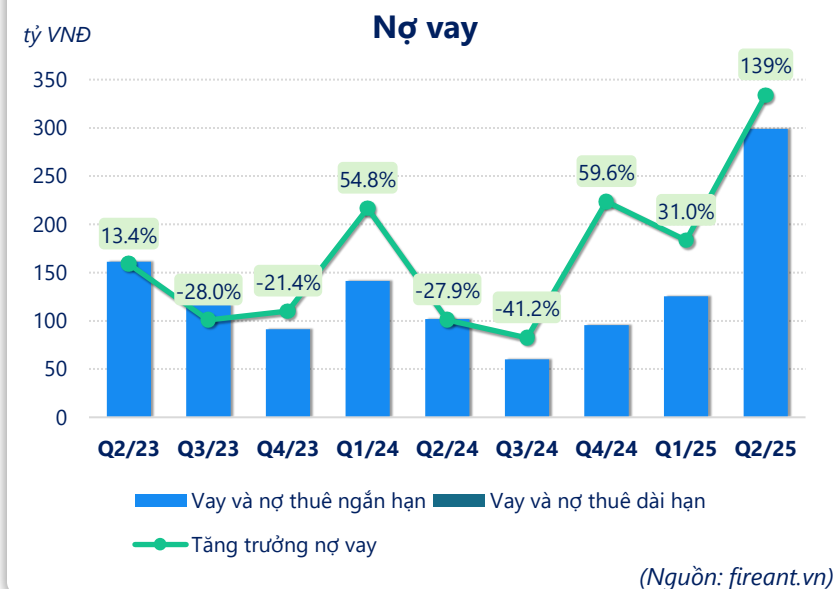
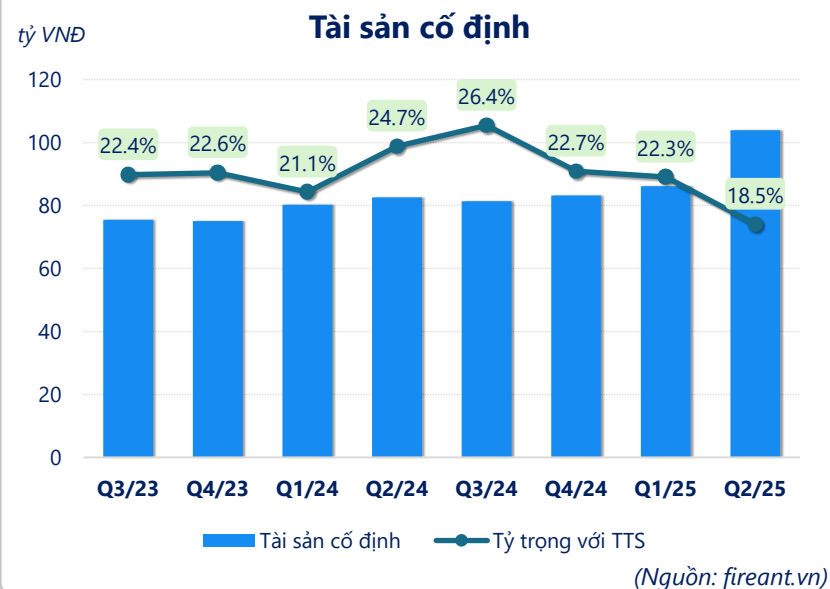
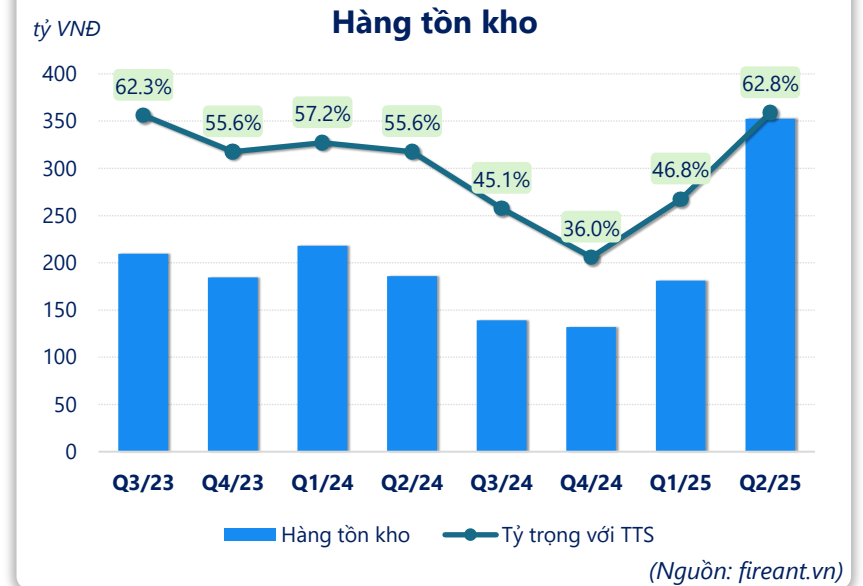
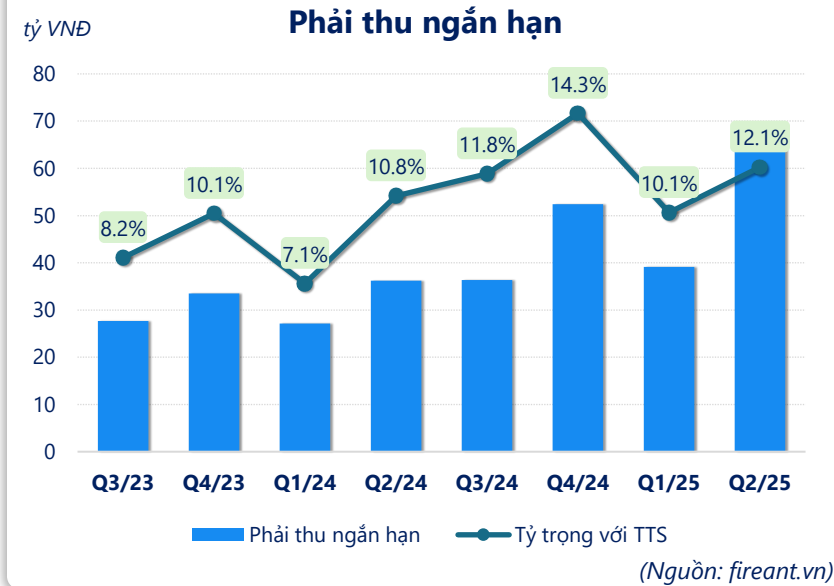
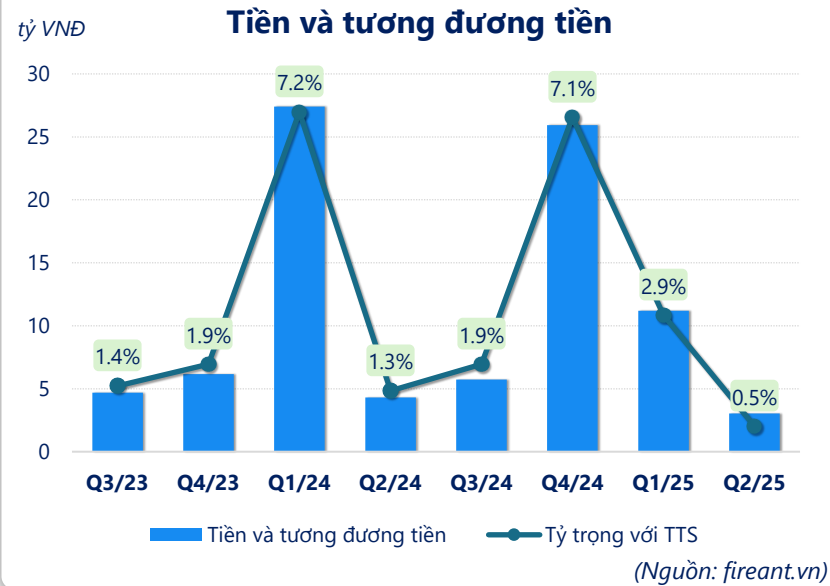
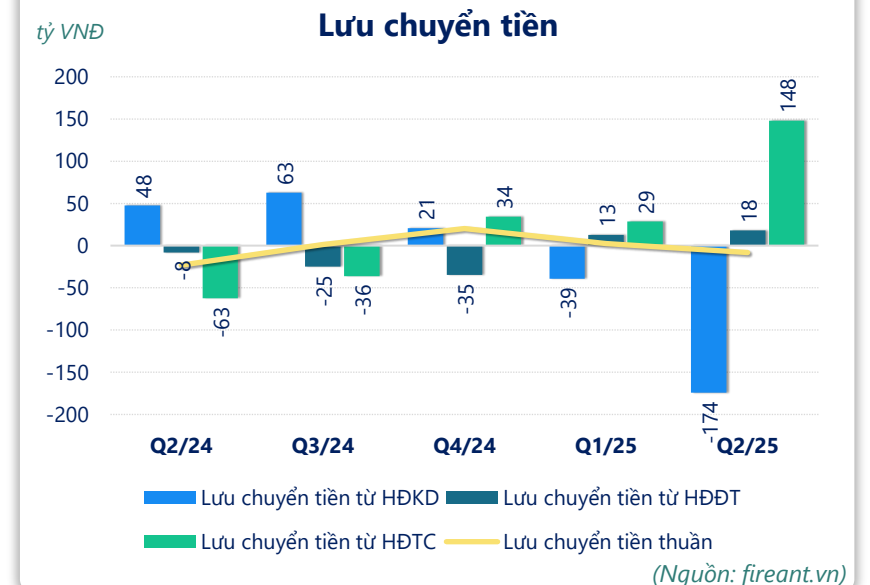
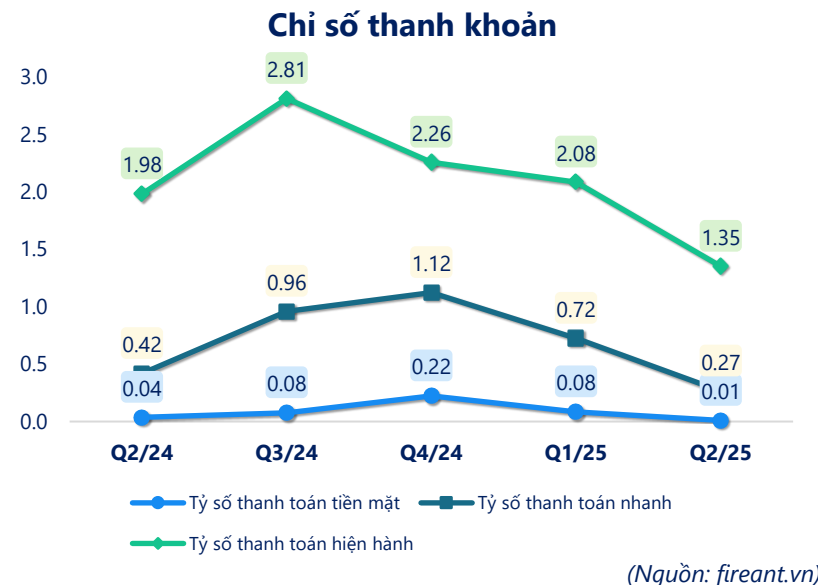
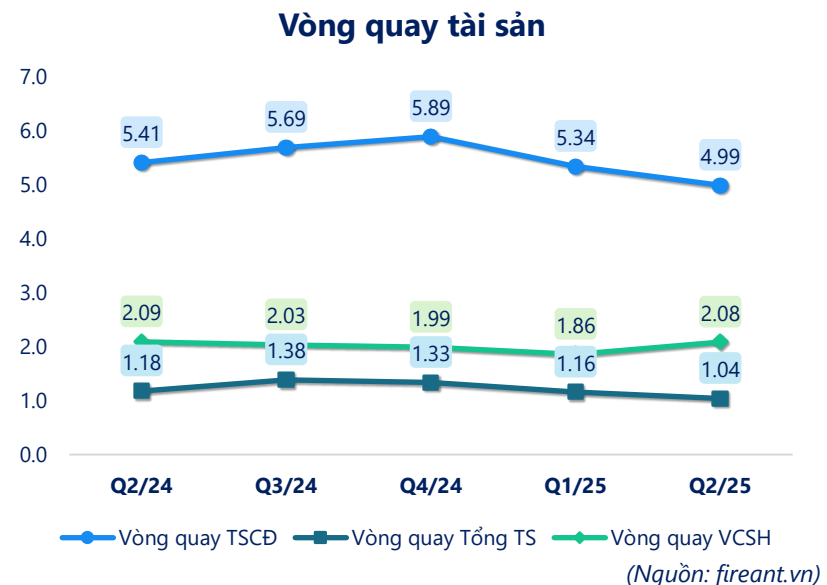
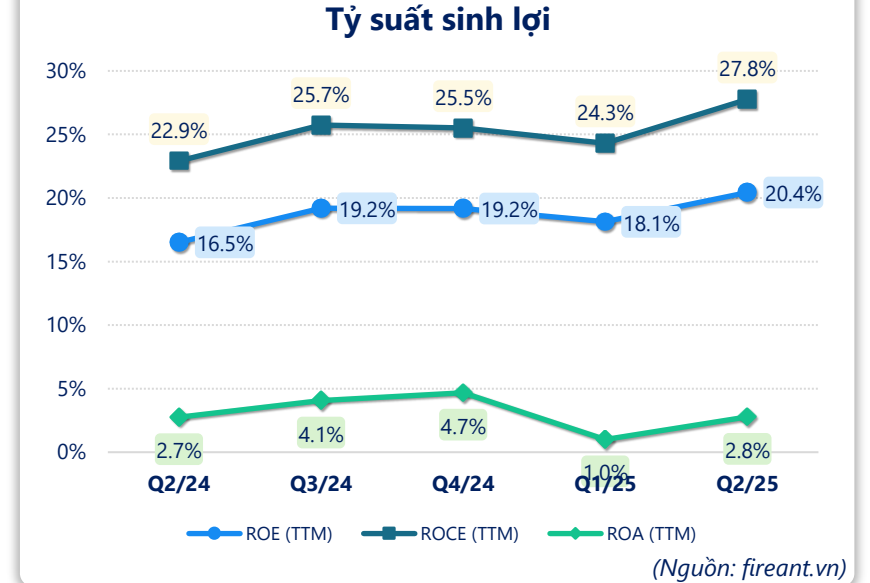
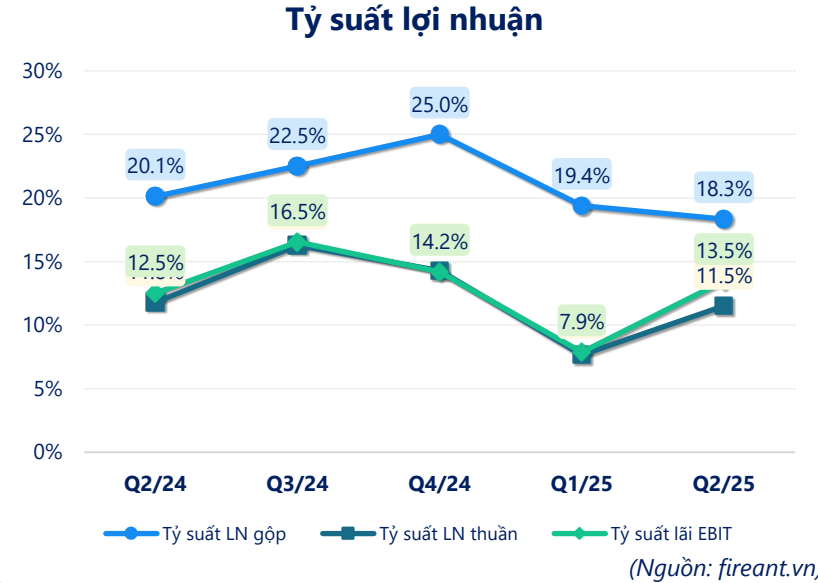
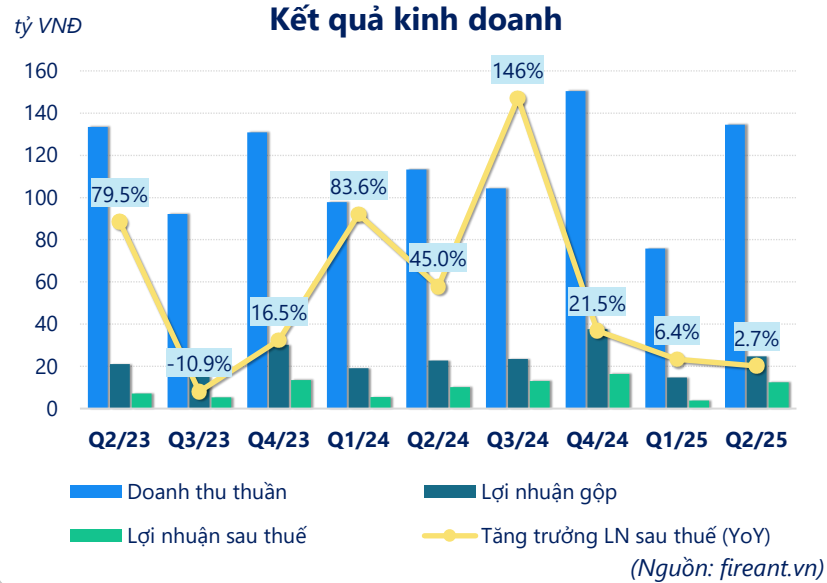


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		17,750
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		21,070
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		14,870
SL cổ phiếu LH		15,228,019
KLGD BQ 20 phiên (CP)		4,085
% sở hữu nước ngoài		2.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		270
P/E		5.9
EPS		2,997

	YTD	1T	3T	6T
LAF	3.2%	-0.3%	-8.0%	7.0%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	561	366	53.3%
Tài sản ngắn hạn	438	262	67.1%
Tiền và tương đương tiền	3.04	8.92	-65.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.00	57.3	-89.5%
Phải thu ngắn hạn	67.7	52.4	29.0%
Hàng tồn kho	352	132	167%
Tài sản ngắn hạn khác	9.41	11.8	-20.3%
Tài sản dài hạn	123	104	18.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	104	83.2	24.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	7.83	8.74	-10.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0.06	-100%
Tài sản dài hạn khác	11.0	11.7	-6.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	327	119	175%
Nợ ngắn hạn	325	116	179%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	299	95.6	213%
Phải trả người bán ngắn hạn	13.7	4.69	192%
Nợ dài hạn	2.57	2.51	2.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	234	247	-5.4%
Vốn chủ sở hữu	234	247	-5.4%
Vốn điều lệ	152	152	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	113	104	150	75.8	135
Giá vốn hàng bán	90.5	80.9	113	61.1	110
Lợi nhuận gộp	22.8	23.5	37.6	14.7	24.7
Doanh thu HĐTC	1.64	2.52	3.54	2.50	2.75
Chi phí TC	3.17	1.44	2.82	2.24	6.85
Chi phí lãi vay	1.40	0.74	0.75	0.61	2.98
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.49	3.75	4.98	4.21	4.48
Chi phí QLDN	4.43	3.86	11.9	4.95	0.59
LN thuần từ HĐKD	13.4	17.0	21.5	5.80	15.5
Lợi nhuận khác	-0.58	-0.46	-0.89	-0.44	-0.35
LN trước thuế	12.8	16.5	20.6	5.36	15.2
Lợi nhuận sau thuế	10.1	13.1	16.3	3.84	12.4
LNST của CĐ cty mẹ	10.1	13.1	16.3	3.84	12.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	47.5	62.7	20.7	-39.3	-174
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-8.10	-25.0	-34.7	12.8	18.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-62.5	-36.3	34.2	28.7	148
Tiền đầu kỳ	27.4	4.31	5.72	8.92	11.2
Lưu chuyển tiền thuần	-23.1	1.43	20.2	2.27	-8.15
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	-0.01	0.01	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	4.31	5.72	25.9	11.2	3.04

(Nguồn: fireant.vn)